

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/LĐ-ST
Ngày: 30/05/2024
V/v: “*Tranh chấp tiền lương lao động*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Rạng Đông;

Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hiền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa:*
Ông Lê Minh Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-LĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp tiền lương lao động*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-LĐ ngày 25/04/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/QĐST-LĐ ngày 13/05/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thanh V**, sinh năm: 1980.

Chị **Lê Thị M**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp R, xã H, thành phố P, Kiên Giang.

Anh V, chị M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị V1**, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố P, Kiên Giang.

Bà V1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Nguyễn Thanh V** và chị **Lê Thị M** trình bày:

Vào khoảng tháng 02 năm 2023, vợ chồng anh V, chị M có nhận làm công xây dựng công trình cho bà Nguyễn Thị V1 tại ấp C, xã H, thành phố P. Các bên chỉ thoả thuận miệng về công việc và tiền lương, không ký kết bằng văn bản. Tiền lương trả theo ngày công lao động, tiền lương cho anh V là 500.000 đồng/ngày, chị M là 400.000 đồng/ngày. Thời gian đầu, bà V1 trả tiền công cho anh V chị M theo tuần, tuy nhiên sau đó bà V1 nợ tiền công nhiều lần với lý do việc kinh doanh nghỉ

duỡng, khách sạn gặp khó khăn. Tính từ tháng 06 đến tháng 09/2023 thì bà V1 nợ tiền lương anh V, chị M là 22.300.000 đồng và ký xác nhận vào giấy biên nhận, đồng thời cam kết trong vòng 04 tháng sẽ trả dứt điểm nhưng sau đó bà V1 không thực hiện theo đúng cam kết.

Vì vậy, anh V, chị M khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị V1 trả cho anh V chị M số tiền 22.300.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh V chị M thừa nhận bà V1 đã trả cho anh V, chị M nhiều lần tiền với tổng số tiền là 2.800.000 đồng. Do đó, anh V chị M yêu cầu Toà án buộc bà V1 phải trả số tiền 19.500.000 đồng.

Anh V chị M vắng mặt tại phiên toà và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị V1 trình bày:

Vào tháng 02 năm 2023, bà V1 có thuê vợ chồng anh Nguyễn Thanh V và chị Lê Thị M làm công với giá tiền trả cho anh V là 500.000 đồng/ngày, chị M 400.000 đồng/ngày và bà V1 trả lương theo tuần. Sau đó việc kinh doanh gặp khó khăn nên bà V1 có thoả thuận và xin chậm trả tiền công cho anh V chị M. Đến khoảng đầu tháng 09/2023, bà V1 thừa nhận còn nợ anh V chị M số tiền 22.300.000 đồng và cam kết trong vòng 04 tháng sẽ trả dứt điểm. Tuy nhiên vẫn không thể thực hiện như cam kết, sau đó bà V1 trả thêm được cho anh V, chị M số tiền 2.800.000 đồng. Nay thừa nhận vẫn còn nợ anh V chị M số tiền 19.500.000 đồng. Bà V1 xin trả dần cho anh V chị M 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị V1 phải trả cho anh V chị M số tiền lương còn thiếu là 19.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại thời điểm nguyên đơn anh V chị M khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị V1 đang sinh sống tại ấp C, xã H, thành phố P để tranh chấp tiền lương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 35, 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh V, chị Lê Thị M, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp tiền lương lao động, theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 90 Bộ luật Lao động năm 2019.

Tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh V và chị Lê Thị M vắng mặt có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị V1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Anh Nguyễn Thanh V và chị Lê Thị M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị V1 trả tiền lương lao động số tiền 22.300.000 đồng. Tại phiên toà, anh V chị M vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và trong đơn xin xét xử vắng mặt anh chị xác định chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị V1 trả anh chị số tiền 19.500.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh V chị M thấy rằng:

Về hình thức hợp đồng lao động: Anh V, chị M và bà Nguyễn Thị V1 thừa nhận có thoả thuận giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Bộ luật Lao động năm 2019, nên vẫn đảm bảo về mặt hình thức của hợp đồng lao động.

Về nội dung hợp đồng lao động: Việc xác lập hợp đồng lao động giữa anh V, chị M và bà Nguyễn Thị V1 có thoả thuận việc trả công, tiền lương là phù hợp quy định tại Điều 13 Bộ luật Lao động năm 2019.

Sau khi chấm dứt hợp đồng, anh V, chị M và bà Nguyễn Thị V1 đã thống nhất với nhau về ngày công lao động và tiền lương lao động bà V1 còn nợ nên bà V1 đã ký vào biên nhận thừa nhận còn nợ anh V chị M số tiền 22.300.000 đồng. Sau đó bà V1 đã trả thêm cho anh V chị M nhiều lần với tổng số tiền 2.800.000 đồng đã được anh V chị M thừa nhận, tại phiên toà anh V chị M và bà Nguyễn Thị V1 vắng mặt, tuy nhiên các bên đã thừa nhận số tiền bà V1 còn nợ anh V chị M là 19.500.000 đồng và anh V chị M không đồng ý việc bà V1 xin trả dần 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Do đó, anh V chị M yêu cầu bà V1 trả số tiền 19.500.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh V và chị Lê Thị M. Buộc bà Nguyễn Thị V1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thanh V, chị Lê Thị M tiền lương lao động 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị V1 phải chịu án phí đối với số tiền trả cho nguyên đơn 19.500.000 đồng là 585.000 đồng (năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, 35, 40, 91, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 13, 14, 90, 95, 96, 97 Bộ luật Lao động năm 2019;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Điểm a, đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh V chị Lê Thị M đối với bà Nguyễn Thị V1 về việc tranh chấp tiền lương lao động.

Buộc bà Nguyễn Thị V1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thanh V chị Lê Thị M tiền lương lao động là 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về án phí sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị V1 phải chịu án phí số tiền là 585.000 đồng (năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- **Về quyền kháng cáo:** Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THADS thành phố Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Quang Thanh

